

Số: 101/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh thời hạn giải quyết thủ tục hành chính  
trong một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính điều chỉnh thời hạn giải quyết trong một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

1. Điều chỉnh thời hạn giải quyết đối với 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đầu tư đã được công bố tại Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Giang (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Điều chỉnh thời hạn giải quyết đối với 02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Phát triển đô thị và 03 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nhà ở đã được công bố tại Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

3. Điều chỉnh thời hạn giải quyết của 14 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tổ chức biên chế và tổ chức phi chính phủ; 02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công tác thanh niên và 11 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tôn giáo đã được công bố tại Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc

công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ (*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSTT.

**Bản điện tử:**

- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + CVP, các PCVP;
- + Các phòng, đơn vị.



Phụ lục I

**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN GIẢI QUYẾT**

**LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1101 /QĐ-UBND ngày 01 / 6 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Tên dịch vụ hành chính công	Cơ chế giải quyết	Thời gian theo quy định	Thời gian sau điều chỉnh	Thời hạn giải quyết của các cơ quan		Ghi chú
					Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(10)
	<b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ</b>						
1	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Một cửa liên thông	35	27	20	- UBND tỉnh: 07 ngày (Các sở, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến: 10 ngày).	Điều chỉnh thời gian giải quyết
2	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Một cửa liên thông					
-	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ		45	45	16	-UBND tỉnh: 7 ngày; - Các Bộ, ngành cho ý kiến: 15 ngày; - Thủ tướng Chính phủ: 07 ngày; (Các sở, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến: 10 ngày).	Giữ nguyên thời gian giải quyết
-	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh		35	27	20	- UBND tỉnh: 07 ngày (Các sở, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến: 10 ngày).	Điều chỉnh thời gian giải quyết

STT	Tên dịch vụ hành chính công	Cơ chế giải quyết	Thời gian theo quy định	Thời gian sau điều chỉnh	Thời hạn giải quyết của các cơ quan		Ghi chú
					Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Một cửa liên thông					
-	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh		40	30	23	- UBND tỉnh: 07 ngày (Các số, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến: 10 ngày).	Điều chỉnh thời gian giải quyết
-	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ		52	52	18	- UBND tỉnh cho ý kiến: 12 ngày; - Các Bộ, ngành cho ý kiến: 15 ngày; - Thủ tướng Chính phủ: 07 ngày. (Các cơ quan tham gia ý kiến: 10 ngày)	Giữ nguyên thời gian giải quyết
-	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội		Không quy định				
4	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Một cửa liên thông	40	30	23	- UBND tỉnh: 07 ngày (Các số, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến: 10 ngày).	Điều chỉnh thời gian giải quyết
5	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ	Một cửa liên thông	47	47	13	- UBND tỉnh cho ý kiến: 12 ngày; - Các Bộ, ngành cho ý kiến: 15 ngày; - Thủ tướng Chính phủ: 07 ngày. (Các cơ quan tham gia ý kiến: 5 ngày)	Giữ nguyên thời gian giải quyết



STT	Tên dịch vụ hành chính công	Cơ chế giải quyết	Thời gian theo quy định	Thời gian sau điều chỉnh	Thời hạn giải quyết của các cơ quan		Ghi chú
					Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
6	Chuyển nhượng dự án	Một cửa liên thông					
-	Đổi với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư; dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành		10	10	5	(Các cơ quan tham gia ý kiến: 5 ngày)	Giữ nguyên thời gian giải quyết
-	Đổi với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và thuộc diện cấp GCN ĐKĐT		52	52	18	- UBND tỉnh cho ý kiến: 12 ngày; - Các Bộ, ngành cho ý kiến: 15 ngày; - Thủ tướng Chính phủ: 07 ngày. (Các cơ quan tham gia ý kiến: 10 ngày)	Giữ nguyên thời gian giải quyết
-	Đổi với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh và thuộc diện cấp GCN ĐKĐT		40	30	23	- UBND tỉnh: 07 ngày (Các sở, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến: 10 ngày). - UBND tỉnh cho ý kiến: 12 ngày; - Các Bộ, ngành cho ý kiến: 15 ngày; - Thủ tướng Chính phủ: 07 ngày. (Các cơ quan tham gia ý kiến: 10 ngày)	Điều chỉnh thời gian giải quyết
-	Đổi với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và không thuộc diện cấp GCN ĐKĐT		47	47	13	- UBND tỉnh: 07 ngày (Các sở, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến: 10 ngày).	Giữ nguyên thời gian giải quyết
-	Đổi với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh và không thuộc diện cấp GCN ĐKĐT		35	30	23	- UBND tỉnh: 07 ngày (Các sở, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến: 10 ngày).	Điều chỉnh thời gian giải quyết





**Phụ lục II**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN GIẢI QUYẾT LĨNH VỰC XÂY DỰNG**  
Ban chấp hành theo Quyết định số 101 /QĐ-UBND ngày 01 / 6 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên dịch vụ hành chính công	Cơ chế giải quyết	Thời gian theo quy định	Thời gian giải quyết điều chỉnh	Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau điều chỉnh)		Ghi chú	
					Sở Xây dựng	Cơ quan phối hợp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
<b>I</b>	<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ</b>						
1	1	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	MCLT	TH 1: 45 TH 2: 67	TH 1: 40 TH 2: 67	30 ngày	-UBND tỉnh: 10 ngày; - BXD: 30 ngày; (các cơ quan tham gia ý kiến: 7 ngày)	
2	2	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	MCLT	TH 1: 30 TH 2: 60	TH 1: 30 TH 2: 60	21 ngày	-UBND tỉnh: 9 ngày; - BXD: 30 ngày; (các cơ quan tham gia ý kiến: 5 ngày)	
<b>III</b>	<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC NHÀ Ở</b>						
1	1	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	MCLT	32 ngày	32 ngày	22 ngày	- UBND tỉnh: 10 ngày; - Các cơ quan tham gia ý kiến: 7 ngày	



	Tên dịch vụ hành chính công	Cơ chế giải quyết	Thời gian theo quy định	Thời gian giải quyết điều chỉnh	Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau điều chỉnh)		Ghi chú
					Số Xây dựng	Cơ quan phối hợp	
2	Cho thuê chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	MCLT	32 ngày	32 ngày	22 ngày	- UBND tỉnh: 10 ngày; - Các cơ quan tham gia ý kiến: 7 ngày	
3	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	MCLT	30 ngày	30 ngày	20 ngày	UBND tỉnh: 10 ngày	



**Phụ lục III**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN GIẢI QUYẾT LĨNH VỰC NỘI VỤ**  
theo Quyết định số **M01 /QĐ-UBND** ngày **01 / 6 /2020** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời gian theo quy định	Thời gian sau điều chỉnh	Thời hạn giải quyết của các cơ quan		Ghi chú	
					Sở Nội vụ	Cơ quan phối hợp		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TỔ CHỨC BIÊN CHẾ VÀ TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ</b>							
1	1	Bỏ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo diện Chủ tịch UBND tỉnh quản lý	MCLT	15 ngày	15 ngày	7 ngày	UBND tỉnh: 8 ngày	
2	2	Thủ tục thẩm định Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	MCLT	35 ngày	30 ngày	15 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	
3	3	Thủ tục thẩm định Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	MCLT	35 ngày	30 ngày	15 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	
4	4	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	MCLT	35 ngày	30 ngày	15 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	



5	5	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị Trường đại học tư thục	MCLT	30 ngày	30 ngày	15 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	
6	6	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị Trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	MCLT	30 ngày	30 ngày	15 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	
7	7	Thành lập hội	MCLT	30 ngày	30 ngày	15 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	
8	8	Phê duyệt điều lệ hội	MCLT	30 ngày	25 ngày	10 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	
9	9	Đổi tên hội	MCLT	30 ngày	25 ngày	10 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	
10	10	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	MCLT	15 ngày	15 ngày	7 ngày	UBND tỉnh: 8 ngày	
11	11	Cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quý	MCLT	40 ngày	30 ngày	15 ngày	UBND tỉnh: 15 ngày	
12	12	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quý	MCLT	15 ngày	11 ngày	5 ngày	UBND tỉnh: 6 ngày	
13	13	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quý	MCLT	30 ngày	25 ngày	13 ngày	UBND tỉnh: 12 ngày	



14	14	Hợp nhất, sáp nhập, chia tách quỹ	MCLT	30 ngày	25 ngày	13 ngày	UBND tỉnh: 12 ngày	
	<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN</b>						
15	1	Thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (gồm cả chia tách, sáp nhập)	MCLT	30 ngày	30 ngày	10 ngày	UBND tỉnh: 20 ngày	
16	2	Xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong do cấp tỉnh	MCLT	60 ngày	55 ngày	10 ngày	Hội cựu TNXP 30 ngày UBND: 15 ngày	
	<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC TÔN GIÁO</b>						
17	1	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	MCLT	60 ngày	60 ngày	30 ngày	UBND tỉnh: 30 ngày	
18	2	Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	MCLT	60 ngày	60 ngày	30 ngày	UBND tỉnh: 30 ngày	
19	3	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	MCLT	30 ngày	30 ngày	10 ngày	UBND tỉnh: 20 ngày	
20	4	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	MCLT	30 ngày	30 ngày	10 ngày	UBND tỉnh: 20 ngày	



21	5	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	MCLT	60 ngày	60 ngày	30 ngày	UBND tỉnh: 30 ngày	
22	6	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của hiện chương	MCLT	45 ngày	45 ngày	20 ngày	UBND tỉnh: 25 ngày	
23	7	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	MCLT	45 ngày	45 ngày	20 ngày	UBND tỉnh: 25 ngày	
24	8	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	MCLT	60 ngày	60 ngày	30 ngày	UBND tỉnh: 30 ngày	
25	9	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	MCLT	30 ngày	30 ngày	12 ngày	UBND tỉnh: 18 ngày	
26	10	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	MCLT	30 ngày	30 ngày	12 ngày	UBND tỉnh: 18 ngày	
27	11	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	MCLT	30 ngày	30 ngày	12 ngày	UBND tỉnh: 18 ngày	